

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

\*\*\*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**QUÝ IV - NĂM 2012**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**QUÝ IV NĂM 2012**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

	<b><u>Trang</u></b>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	02-04
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	05
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	06-07
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	08-28

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	1/1/2012
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>295.900.686.570</b>	<b>259.021.772.879</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>119.238.918.723</b>	<b>52.304.741.886</b>
111	1. Tiền		15.722.955.937	11.579.741.886
112	2. Các khoản tương đương tiền		103.515.962.786	40.725.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>19.962.000.000</b>	<b>23.880.000.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		19.962.000.000	23.880.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>70.111.925.376</b>	<b>91.477.606.181</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		72.055.167.551	87.128.232.469
132	2. Trả trước cho người bán		3.840.481.794	14.202.603.146
135	5. Các khoản phải thu khác	<b>6</b>	1.055.215.597	1.032.612.054
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.838.939.566)	(10.885.841.488)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>81.514.207.774</b>	<b>87.114.272.185</b>
141	1. Hàng tồn kho		81.514.207.774	87.114.272.185
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>5.073.634.697</b>	<b>4.245.152.627</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		571.809.003	606.971.096
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		223.144.027	34.484.952
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	<b>8</b>	110.088.483	1.645.267.609
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	<b>9</b>	4.168.593.184	1.958.428.970
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>504.625.830.805</b>	<b>448.908.609.078</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>142.195.901.617</b>	<b>103.644.131.632</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	<b>10</b>	132.833.227.751	93.278.874.307
222	- Nguyên giá		240.139.936.997	186.773.673.961
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(107.306.709.246)	(93.494.799.654)
227	3. Tài sản cố định vô hình	<b>11</b>	2.239.700.751	2.398.609.891
228	- Nguyên giá		3.144.071.126	3.120.071.126
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(904.370.375)	(721.461.235)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	<b>12</b>	7.122.973.115	7.966.647.434
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>352.168.629.419</b>	<b>335.842.973.365</b>
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		352.168.629.419	335.842.973.365
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>10.261.299.769</b>	<b>9.067.668.531</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	<b>14</b>	9.255.992.486	8.569.030.962
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<b>29.2</b>	1.005.307.283	498.637.569
<b>269</b>	<b>VI. Lợi thế thương mại</b>		-	<b>353.835.550</b>
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>800.526.517.375</b>	<b>707.930.381.957</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	1/1/2012
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>293.916.763.628</b>	<b>194.845.187.569</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>269.032.078.186</b>	<b>185.501.822.502</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	90.964.910.980	51.241.562.405
312	2. Phải trả người bán		35.496.168.563	29.090.563.667
313	3. Người mua trả tiền trước		25.676.405.254	26.191.453.383
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	6.322.073.487	5.646.285.006
315	5. Phải trả người lao động		14.886.361.266	7.978.028.522
316	6. Chi phí phải trả	17	3.859.267.638	6.111.428.960
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	18	76.935.898.749	45.582.346.288
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		11.742.351.242	11.207.591.488
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.148.641.007	2.452.562.783
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>24.884.685.442</b>	<b>9.343.365.067</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác		500.000.000	1.500.000.000
334	4. Vay và nợ dài hạn	19	6.594.991.410	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	746.237.636
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		17.789.694.032	7.097.127.431
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>469.764.455.778</b>	<b>473.010.137.296</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>468.603.988.554</b>	<b>472.238.591.500</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		320.000.000.000	320.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		91.683.218	91.683.218
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	1.222.118
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		3.274.987.693	1.565.844.236
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.092.446.401	647.423.757
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		144.144.871.242	149.932.418.171
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>1.160.467.224</b>	<b>771.545.796</b>
432	1. Nguồn kinh phí		477.550.000	(29.000.000)
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		682.917.224	800.545.796
<b>439</b>	<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>36.845.297.969</b>	<b>40.075.057.092</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>800.526.517.375</b>	<b>707.930.381.957</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

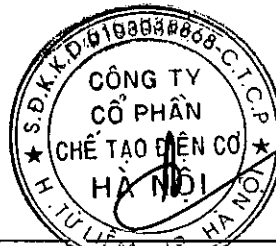
**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	1/1/2012
4. Nợ khó đòi đã xử lý		3.812.210.146	3.813.793.877
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		432,41	318,08
- Đồng Euro (EUR)		196,59	-
- Đồng Krone Đan Mạch (DKK)		1.923,55	-



Nguyễn Thị Thanh Mai  
Kế toán trưởng



Phạm Mạnh Hà  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý IV - 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4 năm 2012	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý
				VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	145.348.621.452	547.100.415.169
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	642.431.761	2.649.900.318
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	144.706.189.691	544.450.514.851
11	4. Giá vốn hàng bán	24	117.103.323.580	440.853.523.284
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		27.602.866.111	103.596.991.567
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	13.765.332.902	35.187.686.833
22	7. Chi phí tài chính	26	2.352.113.481	8.027.688.144
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		2.138.792.221	7.658.570.742
24	8. Chi phí bán hàng	27	6.573.305.728	28.814.720.939
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	12.931.861.255	43.688.449.693
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		19.510.918.549	58.253.819.624
31	11. Thu nhập khác		782.331.882	2.009.406.915
32	12. Chi phí khác		555.021.094	933.658.737
40	13. Lợi nhuận khác		227.310.788	1.075.748.178
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		4.764.161.636	32.988.056.054
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24.502.390.973	92.317.623.856
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29.1	2.896.760.188	8.414.434.086
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	29.2	(547.876.463)	(506.669.714)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		22.153.507.248	84.409.859.484
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		842.620.238	5.649.315.875
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		21.310.887.010	78.760.543.609
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		666	666

*Nguyễn Thị Thanh Mai*

Nguyễn Thị Thanh Mai  
Kế toán trưởng



Phạm Mạnh Hà  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Quý IV - 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4 năm 2012	Lưu kế từ đầu năm
				đến cuối quý
				VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		459.476.320.509	621.383.214.029
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(306.906.302.963)	(434.250.604.112)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(48.486.890.117)	(63.883.530.090)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(8.721.133.423)	(9.867.000.936)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(6.010.482.475)	(8.138.599.862)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		36.871.051.003	51.336.230.082
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(61.443.818.356)	(81.723.240.884)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<b>64.778.744.178</b>	<b>74.856.468.227</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(34.005.891.210)	(45.695.830.676)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		684.839.601	684.839.601
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(79.177.000.000)	(115.334.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		81.415.000.000	111.416.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		31.832.912.102	34.547.721.818
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<b>749.860.493</b>	<b>(14.381.269.257)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		93.139.929.891	95.454.229.891
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(42.713.492.834)	(49.135.889.906)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(26.569.700.000)	(44.858.140.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<b>23.856.737.057</b>	<b>1.460.199.985</b>



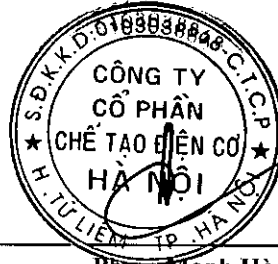
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	89.385.341.728	61.935.398.955
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	57.304.741.886	57.304.741.886
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	<u>119.238.918.723</u>



Nguyễn Thị Thanh Mai  
Kế toán trưởng



Phạm Mạnh Hà  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2013

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Quý IV - 2012**

### **1 . THÔNG TIN CHUNG**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương.

Trụ sở chính của Công ty: Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 320.000.000.000 đồng; tương đương 32.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Công ty có các công ty con sau:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Số 37, Đại lộ Hồ Chí Minh, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	KCN Lê Minh Xuân, Quận Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh
- Công ty Cổ phần Cơ điện Hà Nội	Xóm 6, Xã Đông Ngạc, Huyện Từ Liêm, TP Hà Nội
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn, Huyện Từ Liêm, TP Hà Nội

#### **Công ty có các công ty liên kết sau:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty TNHH SAS-CTAMAD	Số 44B, Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 13.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Thiết kế, chế tạo, sửa chữa, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị điện cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thi công, lắp đặt công trình, đường dây, trạm thủy điện và trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng máy móc;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, cho thuê văn phòng.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

## **Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2012. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                          |         |     |
|--------------------------|---------|-----|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 15 - 40 | năm |
| - Máy móc, thiết bị      | 07 - 30 | năm |
| - Phương tiện vận tải    | 05 - 12 | năm |
| - Thiết bị văn phòng     | 03 - 06 | năm |

### **Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

### **Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **Các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

### **Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản/tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### **Ghi nhận doanh thu**

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Các khoản thuế***Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**3 . ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ THEO KẾT QUẢ THANH TRA CỦA CƠ QUAN THANH TRA**

Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 căn cứ trên Biên bản thanh tra thuế của Cơ quan thuế địa phương về việc thanh tra thuế các năm 2009, 2010 và 2011. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu đã kiểm toán năm trước VND	Số liệu điều chỉnh	Chênh lệch VND	Ghi chú
			theo Biên bản thanh tra thuế VND		
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	2.635.884.109	1.645.267.609	(990.616.500)	(1)
Chi phí trả trước dài hạn	261	7.557.915.309	8.569.030.962	1.011.115.653	(2)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.885.286.657	5.646.285.006	760.998.349	(3)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	150.672.917.367	149.932.418.171	(740.499.196)	(1,2)
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	38.936.952.394	39.523.122.631	586.170.237	(1)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	7.512.883.009	7.497.643.299	(15.239.710)	(3)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

- (1) - Điều chỉnh chi phí tiền thuê đất năm 2011;  
 (2) - Điều chỉnh lợi thế thương mại 2009 đến năm 2011;  
 (3) - Truy thu thuế Thu nhập doanh nghiệp các năm từ 2009 đến 2011.

**4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	1/1/2012
	VND	VND
Tiền mặt	537.381.199	295.337.252
Tiền gửi ngân hàng	15.185.574.738	11.284.404.634
Các khoản tương đương tiền	103.515.962.786	40.725.000.000
	<b><u>119.238.918.723</u></b>	<b><u>52.304.741.886</u></b>

**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2012	1/1/2012
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	19.962.000.000	23.880.000.000
	<b><u>19.962.000.000</u></b>	<b><u>23.880.000.000</u></b>

**Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn**

	31/12/2012		1/1/2012	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Đầu tư ngắn hạn khác	-	19.962.000.000	-	23.880.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	17.962.000.000	-	-
- Cho vay ngắn hạn	-	2.000.000.000	-	23.880.000.000
		<b><u>19.962.000.000</u></b>		<b><u>23.880.000.000</u></b>

**6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	1/1/2012
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	6.700.000	21.520.000
Phải thu về người lao động	37.393.200	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	87.768.127	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	26.922.377	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	10.075.164	-
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chậm trả	501.643.335	411.871.020
Phải thu người lao động về thuế TNCN	10.425.496	-
Phải thu khác	374.287.898	599.221.034
	<b><u>1.055.215.597</u></b>	<b><u>1.032.612.054</u></b>

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012	1/1/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	32.455.082.874	27.904.913.062
Công cụ, dụng cụ	1.261.676.444	1.065.076.759
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.639.713.578	8.126.208.315



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Thành phẩm	34.282.958.152	39.005.509.536
Hàng hoá	4.071.380.034	10.525.485.047
Hàng gửi đi bán	803.396.692	487.079.466
	<b>81.514.207.774</b>	<b>87.114.272.185</b>

**8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>1/1/2012</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	110.088.483	508.506.697
Thuế Thu nhập cá nhân	-	4.542.113
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	1.132.218.799
	<b>110.088.483</b>	<b>1.645.267.609</b>

**9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>1/1/2012</u>
	VND	VND
Tạm ứng	2.325.152.603	1.958.428.970
Tài sản thiếu chờ xử lý	7.993.981	-
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	1.835.446.600	-
	<b>4.168.593.184</b>	<b>1.958.428.970</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	79.506.077.008	83.632.908.280	21.092.850.794	2.504.187.879	37.650.000	186.773.673.961
Số tăng trong năm	39.419.905.737	9.101.636.776	5.297.344.691	482.190.546	-	54.301.077.750
- Mua sắm mới	1.135.021.817	5.006.175.886	3.054.115.982	482.190.546	-	9.677.504.231
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	38.284.883.920	4.095.460.890	2.243.228.709	-	-	44.623.573.519
Số giảm trong năm	(74.337.750)	(860.476.964)	-	-	-	(934.814.714)
- Thanh lý, nhượng bán	(74.337.750)	(824.476.964)	-	-	-	(898.814.714)
- Giảm khác	-	(36.000.000)	-	-	-	(36.000.000)
Số dư cuối năm	118.851.644.995	91.874.068.092	26.390.195.485	2.986.378.425	37.650.000	240.139.936.997
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	31.139.292.874	48.212.625.256	12.395.128.758	1.720.798.598	26.954.168	93.494.799.654
Số tăng trong năm	4.487.840.419	7.301.504.104	2.149.140.642	394.208.092	6.695.838	14.339.389.095
- Trích khấu hao	4.487.840.419	7.301.504.104	2.149.140.642	394.208.092	6.695.838	14.339.389.095
Số giảm trong năm	(16.769.497)	(510.710.006)	-	-	-	(527.479.503)
- Thanh lý, nhượng bán	(16.769.497)	(474.710.006)	-	-	-	(491.479.503)
- Giảm khác	-	(36.000.000)	-	-	-	(36.000.000)
Số dư cuối năm	35.610.363.796	55.003.419.354	14.544.269.400	2.115.006.690	33.650.006	107.306.709.246
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư đầu năm	48.366.784.134	35.420.283.024	8.697.722.036	783.389.281	10.695.832	93.278.874.307
Số dư cuối năm	83.241.281.199	36.870.648.738	11.845.926.085	871.371.735	3.999.994	132.833.227.751

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

30.036.912.830 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	3.038.689.253	18.000.000	63.381.873	3.120.071.126
Số tăng trong năm	-	24.000.000	-	24.000.000
- Mua sắm mới	-	24.000.000	-	24.000.000
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3.038.689.253	42.000.000	63.381.873	3.144.071.126
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	669.864.717	18.000.000	33.596.518	721.461.235
Số tăng trong năm	163.012.158	11.999.998	7.896.984	182.909.140
- Trích khấu hao	163.012.158	11.999.998	7.896.984	182.909.140
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	832.876.875	29.999.998	41.493.502	904.370.375
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư đầu năm	2.368.824.536	-	29.785.355	2.398.609.891
Số dư cuối năm	2.205.812.378	12.000.002	21.888.371	2.239.700.751

**12 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2012	1/1/2012
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	7.122.973.115	7.870.652.404
- Các công trình của các công ty con	-	7.870.652.404
- Máy tiện đứng 2 trụ 2 đầu dao NM Cơ khí CSII	6.514.894.484	-
- Các dự án khác	608.078.631	-
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	-	36.588.928
- Mua máy đập 100T, 110T	-	36.588.928
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>	-	59.406.102
- Máy móc của công ty mẹ	-	59.406.102
	<b>7.122.973.115</b>	<b>7.966.647.434</b>

**13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2012	1/1/2012
	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	352.168.629.419	335.842.973.365
- Công ty TNHH SAS - CTAMAD	352.168.629.419	335.842.973.365
	<b>352.168.629.419</b>	<b>335.842.973.365</b>

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH SAS - CTAMAD	Thành phố Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2012	1/1/2012
	VND	VND
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	3.431.584.638	3.875.943.357
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.141.401.523	696.350.800
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	860.748.539	3.638.000
Tiền thuê đất trả trước	2.572.314.013	2.627.044.098
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.249.943.773	1.366.054.707
	<b>9.255.992.486</b>	<b>8.569.030.962</b>

**15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2012	1/1/2012
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>86.026.910.980</b>	<b>51.241.562.405</b>
- Vay ngân hàng	14.294.210.980	11.834.362.405
- Vay tổ chức khác	60.678.200.000	31.202.200.000
- Vay cá nhân	11.054.500.000	8.205.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b> (Xem Thuyết minh 19)	<b>4.938.000.000</b>	-
	<b>90.964.910.980</b>	<b>51.241.562.405</b>

**Chi tiết vay ngắn hạn**

	31/12/2012	1/1/2012
	VND	VND
Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam <sup>(1)</sup>	42.572.200.000	31.072.200.000
Trường Cao Đẳng Công nghệ Hà Nội	-	130.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương <sup>(2)</sup>	12.794.210.980	7.767.478.405
Ngân hàng khác	-	4.066.884.000
Công đoàn Trường Cao Đẳng Công nghệ Hà Nội <sup>(3)</sup>	100.000.000	-
Công đoàn Công ty cổ phần chế tạo điện cơ Hà Nội <sup>(4)</sup>	800.000.000	-
Công ty TNHH SAS - CTAMAD <sup>(5)</sup>	18.706.000.000	-
Cán bộ công nhân viên <sup>(6)</sup>	11.054.500.000	8.205.000.000
	<b>86.026.910.980</b>	<b>51.241.562.405</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

(1) Bao gồm 02 hợp đồng tín dụng:

1.1 Hợp đồng vay vốn số 016/2009/HĐVV/TBĐVN-CTAMAD ngày 08/01/2009, hợp đồng vay vốn số

- + Số tiền cho vay: 20 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến 31/12/2012;
- + Lãi suất cho vay: 9% năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tin chấp;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 20.000.000.000 đồng.

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)**

1.2 Hợp đồng vay vốn số 01/2011/HĐVV/TBĐVN-HEM ngày 06/04/2011 và các phụ lục gia hạn hợp đồng, với

- + Số tiền cho vay: 11.072.200.000 đồng;

- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến 31/12/2012;
- + Lãi suất cho vay: 9% năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 11.072.200.000 đồng.

1.3 Hợp đồng vay vốn số 01/2012/HĐVV/TBĐVN-CTB ngày 01/06/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn đầu tư kinh doanh 2012;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng từ ngày 01/06/2012 đến 31/05/2013;
- + Lãi suất cho vay: 09%/năm, có thể thay đổi sau khi 03 tháng xem xét;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 10.000.000.000 đồng.

1.4 Hợp đồng vay vốn số 01/2011/HĐVV/TBĐVN-HAMEC ngày 06/04/2011 và các phụ lục gia hạn, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 1.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Vay vốn đầu tư nâng cao năng lực sản xuất;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến 30/06/2013;
- + Lãi suất cho vay: 9%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 1.000.000.000 đồng.

1.5 Hợp đồng vay vốn số 02/2011/HĐVV/TBĐVN-HAMEC ngày 14/12/2011 và phụ lục hợp đồng ngày 27 tháng

- + Số tiền cho vay: 500.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Vay vốn đầu tư nâng cao năng lực sản xuất;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến 30/06/2013;
- + Lãi suất cho vay: 9%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 500.000.000 đồng.

(2) Hợp đồng tín dụng số 20.07.12.031.01/HĐTD ngày 20/07/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày cho vay;
- + Lãi suất cho vay: lãi suất thả nổi nhưng không thấp hơn lãi suất Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam quy định trong từng thời kỳ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: không có bảo đảm bằng tài sản, áp dụng biện pháp bảo đảm bổ sung với giá trị tổng tài sản đảm bảo bổ sung tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 19.900.000.000 đồng.

(3) Hợp đồng vay vốn số 01/2011/HĐVV/TCKT ngày 29/11/2011 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 100.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: không xác định thời hạn;
- + Lãi suất cho vay: 9% năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 100.000.000 đồng.

#### **Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)**

(4) Hợp đồng vay vốn số 01/2012/HĐVV/TCKT ngày 06/02/2012, 02/2012/HĐVV/TCKT ngày 20/04/2012 với các điều khoản chi tiết sau :

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

- + Số tiền cho vay: 1.100.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: không xác định thời hạn;
- + Lãi suất cho vay: 9% năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 800.000.000 đồng.

(5) Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐVV/SAS-DC ngày 01/10/2012 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 18.706.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: không xác định thời hạn;
- + Lãi suất cho vay: 0% năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 18.706.000.000 đồng.

(6) Huy động vốn vay của cán bộ công nhân viên Công ty để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với lãi suất huy động phù hợp với lãi suất thị trường trong từng thời kỳ, thời hạn vay không xác định.

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>1/1/2012</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	679.916.213	2.346.605.663
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	29.531.402
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.199.144.593	2.923.310.369
Thuế Thu nhập cá nhân	437.015.781	346.837.572
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	2.005.996.900	-
	<u><u>6.322.073.487</u></u>	<u><u>5.646.285.006</u></u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2012</u>	<u>1/1/2012</u>
	VND	VND
Phí bản quyền của hợp đồng Lixang AVK (*)	3.070.875.500	3.070.875.500
Chi phí lãi vay phải trả	450.011.004	2.658.441.198
Trích trước chi phí kiểm toán	60.000.000	-
Chi phí phải trả khác	278.381.134	382.112.262
	<u><u>3.859.267.638</u></u>	<u><u>6.111.428.960</u></u>

(\*) Đây là khoản phí bản quyền gắn liền hợp đồng mua dây chuyền sản xuất van AVK của hãng AVK Đan Mạch. Tuy nhiên, do dây chuyền không hoạt động không đúng theo công nghệ quy định nên Công ty đang đàm phán để giảm mức phải trả phí bản quyền này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	1/1/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	208.306.993	449.813.739
Bảo hiểm xã hội	2.128.609	7.478.217
Bảo hiểm y tế	-	8.654.040
Phải trả về cổ phần hoá	35.208.570.992	35.293.894.192
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.600.000	84.300.000
Phải trả cổ tức cho cổ đông	35.141.860.000	-
Thưởng cuối năm 2012	5.261.622.800	-
Thù lao HĐQT, BKS 2012	29.500.000	-
Thu tiền để tài Bơm làm mát 150 m3	230.800.000	-
Phải trả tiền khám sức khỏe	214.922.713	121.446.769
Phải trả tiền ký cược sách thư viện	196.500.000	68.700.000
Phải trả về bảo hộ lao động	113.937.939	126.247.939
Phải trả phí liên thông đại học	89.700.000	98.325.000
Phải trả, phải nộp khác	202.448.703	9.323.486.392
	<b>76.935.898.749</b>	<b>45.582.346.288</b>

**19 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2012	1/1/2012
	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>6.594.991.410</b>	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-CN Hải Dương	6.594.991.410	-
	<b>6.594.991.410</b>	-

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**

Hợp đồng tín dụng số 30.03.12.031.01/HĐTD ngày 30/03/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 16.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư xây dựng nhà xưởng cơ khí và bể thử bơm thuộc dự án "Đầu tư xây dựng Nhà máy chế tạo bơm Hải Dương";
- + Thời hạn cho vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay: Áp dụng theo phương thức thả nổi bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ nhưng không thấp hơn sàn lãi suất cho vay theo quy định của ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trong từng thời kỳ;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay không có bảo đảm đầy đủ bằng tài sản, áp dụng biện pháp bảo đảm bổ sung (trong đó tài sản bổ sung hiện tại là toàn bộ nhà xưởng, MMTB của Công ty và tài sản bổ sung trong tương lai là toàn bộ tài sản hình thành từ dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng cơ khí và bể thử bơm sẽ được bổ sung sau khi hoàn thành)
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 11.532.991.410 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 4.938.000.000 đồng.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012	1/1/2012
	VND	VND
Trong vòng một năm	823.000.000	-
Trong năm thứ hai	4.938.000.000	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.771.991.410	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(4.938.000.000)	-
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>6.594.991.410</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NĂM 2011</b>							
Số dư đầu năm	320.000.000.000	91.683.218	(386.131)	1.339.410.756	102.935.908	99.924.248.019	421.457.891.770
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	82.807.576.132	82.807.576.132
Trích lập các quỹ	-	-	-	226.433.480	544.487.849	(1.250.000.000)	(479.078.671)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(32.000.000.000)	(32.000.000.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	386.131	-	-	-	386.131
Tặng khác	-	-	-	-	-	450.594.020	450.594.020
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	1.222.118	-	-	-	1.222.118
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>91.683.218</b>	<b>1.222.118</b>	<b>1.565.844.236</b>	<b>647.423.757</b>	<b>149.932.418.171</b>	<b>472.238.591.500</b>
<b>NĂM 2012</b>							
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	1.709.143.457	445.022.644	(2.154.166.101)	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(2.393.924.437)	(2.393.924.437)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	(38.400.000.000)	(38.400.000.000)
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(41.600.000.000)	(41.600.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm nay (*)	-	-	-	-	-	-	(1.222.118)
Giảm vốn trong năm	-	-	(1.222.118)	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>91.683.218</b>	<b>-</b>	<b>3.274.987.693</b>	<b>1.092.446.401</b>	<b>144.144.871.242</b>	<b>468.603.988.554</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Tỷ lệ</u> (%)	<u>Cuối năm</u> VND	<u>Tỷ lệ</u> (%)	<u>Đầu năm</u> VND
Vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	81,48%	260.722.000.000	81,48%	260.722.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	18,52%	59.278.000.000	18,52%	59.278.000.000
	<u>100%</u>	<u>320.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>320.000.000.000</u>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	320.000.000.000	320.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	320.000.000.000	320.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	320.000.000.000	320.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	80.000.000.000	32.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	38.400.000.000	32.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	41.600.000.000	-

**d) Cổ phiếu**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.000.000	32.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.000.000	32.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.000.000	32.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.000.000	32.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.000.000	32.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	<u>31/12/2012</u> VND	<u>1/1/2012</u> VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.274.987.693	1.565.844.236
Quỹ dự phòng tài chính	1.092.446.401	647.423.757
	<u>4.367.434.094</u>	<u>2.213.267.993</u>

**21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Quý IV - 2012</u> VND	<u>Lũy kế từ đầu năm</u> <u>đến cuối quý</u> VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	107.367.600.022	455.854.273.260
Doanh thu cung cấp dịch vụ	37.981.021.430	91.246.141.909
	<u>145.348.621.452</u>	<u>547.100.415.169</u>

#

**22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>Quý IV - 2012</u> VND	<u>Lũy kế từ đầu năm</u> <u>đến cuối quý</u> VND
--	-----------------------------	--

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	642.431.761	2.649.900.318
	<b>642.431.761</b>	<b>2.649.900.318</b>

**23 . DOANH THU THUẬN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý IV - 2012	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm, hàng hóa	106.725.168.261	453.204.372.942
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	37.981.021.430	91.246.141.909
	<b>144.706.189.691</b>	<b>544.450.514.851</b>

**24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Quý IV - 2012	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	84.776.301.521	370.562.880.997
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	32.327.022.059	70.290.642.287
	<b>117.103.323.580</b>	<b>440.853.523.284</b>

**25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Quý IV - 2012	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	3.330.672.675	11.625.894.133
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.414.000.000	23.011.600.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	20.660.227	550.192.700
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
	<b>13.765.332.902</b>	<b>35.187.686.833</b>

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Quý IV - 2012	đến cuối quý
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.138.792.221	7.658.570.742
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	65.890.700	98.855.700
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	61.923.800	95.815.812
Chi phí lãi ký quỹ Đại lý	85.506.760	174.445.890
	<b>2.352.113.481</b>	<b>8.027.688.144</b>

**27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Quý IV - 2012	đến cuối quý
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	237.968.699	869.928.760
Chi phí nhân công	1.027.289.690	3.436.695.932

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Chi phí khấu hao tài sản cố định	167.837.051	559.794.306
Chi phí bảo hành	(437.319.803)	676.330.921
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.725.518.468	6.629.906.147
Chi phí khác bằng tiền	3.852.011.623	16.642.064.873

	<b>6.573.305.728</b>	<b>28.814.720.939</b>
--	----------------------	-----------------------

**28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Quý IV - 2012</u>	<u>đến cuối quý</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	775.345.382	2.684.472.579
Chi phí nhân công	8.138.599.106	20.623.087.554
Chi phí khấu hao tài sản cố định	841.345.297	2.379.874.439
Thuế, phí, lệ phí	1.694.497.406	2.973.206.680
Chi phí dự phòng	(1.740.108.836)	(4.046.901.922)
Lợi thế/bất lợi thương mại	353.835.550	353.835.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.014.438.154	7.332.545.610
Chi phí khác bằng tiền	853.909.196	11.388.329.203

	<b>12.931.861.255</b>	<b>43.688.449.693</b>
--	-----------------------	-----------------------

**29 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP****29.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Quý IV - 2012</u>	<u>đến cuối quý</u>
	VND	VND
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất năm hiện hành	3.182.940.156	8.700.614.054
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(286.179.968)	(286.179.968)

**29.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<u>31/12/2012</u>	<u>1/1/2012</u>
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.005.307.283	498.637.569

	<u>Quý IV - 2012</u>	<u>đến cuối quý</u>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh	(547.876.463)	(506.669.714)

**30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	<u>Quý IV - 2012</u>	<u>đến cuối quý</u>
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>	<b>21.310.887.010</b>	<b>78.760.543.609</b>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	21.310.887.010	78.760.543.609
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	32.000.000	32.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>666</b>	<b>2.461</b>
---------------------------------	------------	--------------

**31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		1/1/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	119.238.918.723	-	52.304.741.886	-
Phải thu khách hàng	72.055.167.551	(6.838.939.566)	87.128.232.469	(10.885.841.488)
Phải thu khác	1.055.215.597	-	1.032.612.054	-
Đầu tư ngắn hạn	19.962.000.000	-	23.880.000.000	-
	<b>212.311.301.871</b>	<b>(6.838.939.566)</b>	<b>164.345.586.409</b>	<b>(10.885.841.488)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2012	1/1/2012
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	97.559.902.390	51.241.562.405
Phải trả người bán	35.496.168.563	29.090.563.667
Chi phí phải trả	3.859.267.638	6.111.428.960
Phải trả khác	76.935.898.749	47.082.346.288
	<b>213.851.237.340</b>	<b>133.525.901.320</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại 31/12/2012</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	119.238.918.723	-	-	119.238.918.723
Phải thu khách hàng	65.216.227.985	-	-	65.216.227.985
Phải thu khác	1.055.215.597	-	-	1.055.215.597
Đầu tư ngắn hạn	19.962.000.000	-	-	19.962.000.000
	<u>205.472.362.305</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>205.472.362.305</u>
<b>Tại 1/1/2012</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.304.741.886	-	-	52.304.741.886
Phải thu khách hàng	76.242.390.981	-	-	76.242.390.981
Phải thu khác	1.032.612.054	-	-	1.032.612.054
Đầu tư ngắn hạn	23.880.000.000	-	-	23.880.000.000
	<u>153.459.744.921</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>153.459.744.921</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại 31/12/2012</b>				
Vay và nợ	86.849.910.980	10.709.991.410	-	97.559.902.390

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Phải trả người bán	35.496.168.563	-	-	35.496.168.563
Chi phí phải trả	3.859.267.638	-	-	3.859.267.638
Phải trả khác	76.935.898.749	-	-	76.935.898.749
	<b>203.141.245.930</b>	<b>10.709.991.410</b>	-	<b>213.851.237.340</b>

**Tại 1/1/2012**

Vay và nợ	51.241.562.405	-	-	51.241.562.405
Phải trả người bán	29.090.563.667	-	-	29.090.563.667
Chi phí phải trả	6.111.428.960	-	-	6.111.428.960
Phải trả khác	47.082.346.288	-	-	47.082.346.288
	<b>133.525.901.320</b>	-	-	<b>133.525.901.320</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bao gồm hoạt động bán thành phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Tuy nhiên, hoạt động bán thành phẩm, hàng hóa chiếm tỷ trọng gần 90% toàn bộ các hoạt động của toàn Công ty.

**Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:**

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.



*Nguyễn Thị Thanh Mai*  
Nguyễn Thị Thanh Mai  
Kế toán trưởng

*Phạm Mạnh Hà*  
Phạm Mạnh Hà  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2013